

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2020/HS-ST**
Ngày 28-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Quyến;

2. Ông Lưu Khánh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 03/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/HSST ngày 17/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/HSST ngày 08/4/2020, đối với bị cáo:

VŨ ĐỨC V, tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 05 tháng 10 năm 1979 tại huyện C, tỉnh B;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Vũ Ngọc Đ và bà Bùi Thị C;

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T và 01 con 16 tuổi;

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh B, (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Ông Lý Quý B, sinh năm 1959; (Đã chết);

*** Người đại diện hợp pháp của bị hại Lý Quý B**, là anh Lý Tài T, sinh năm 1989 (con trai bị hại); Trú tại: Xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh T, (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Vũ Anh T, sinh năm 1993;

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh B. (Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh B), (vắng mặt).

*** Người làm chứng gồm:**

1. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1988; (vắng mặt);

Trú tại: Thôn B, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh B.

2. Vũ Văn Hào, sinh năm 1986; (vắng mặt);

Trú tại: Thôn N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ, ngày 19/7/2019, Vũ Đức V có Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 do Sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 06/9/2006, điều khiển xe mô tô BKS 97B1-297.11 (xe V mượn của Vũ Anh T), chở theo Nguyễn Văn Th đi từ nhà V đến Công an huyện C. Đi cùng với V và Th còn có Vũ Anh T và Vũ Văn Hào cùng đi trên một xe mô tô khác. Trên đường đi, cả nhóm có vào ăn sáng, trong khi ăn, V có uống 01 lon bia “Sài Gòn” loại 330ml, sau khi ăn sáng xong, V điều khiển xe mô tô nêu trên chở Th đi đến Công an huyện C. Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi cả hai đi đến Km 114 + 723 QL3 thuộc tổ 7, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh B, thì V quan sát thấy ông Lý Quý B điều khiển xe mô tô BKS 20E1-039.60 đi cùng chiều phía trước, đang rẽ sang bên trái đường theo hướng di chuyển, nhưng V vẫn điều khiển xe vượt lên phía bên trái xe của ông B, trong khi vượt xe, tay lái xe bên phải của V quệt với đầu tay nắm bên trái xe ông B, dẫn đến xe mô tô của ông B bị đổ xuống đường, ông B ngã ra đường, xe mô tô do V điều khiển loạng choạng nhưng không đổ. Biết hành vi của mình đã gây ra vụ tai nạn giao thông, nhưng V không dừng lại, mà vẫn tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy, mặc dù được Th ngồi sau khuyên dừng lại. Sau khi bị tai nạn, ông B bị thương nặng phải đưa đi cấp cứu và đã tử vong tại bệnh viện. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, V đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh B đầu thú, đến 17 giờ 46 phút cùng ngày, Công an huyện C đã tiến hành đo nồng độ cồn của V, kết quả đo là 0,331miligam/lít khí thở.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông trên. Kết quả điều tra xác định, V điều khiển xe mô tô tham gia giao thông trong khí thở có nồng độ cồn vượt mức quy định (0,331miligam/lít khí thở), không chấp hành đúng các quy định của Luật Giao thông đường bộ khi vượt xe, nên đã gây tai nạn giao thông, dẫn đến hậu quả ông B bị tử vong.

Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 20/TT ngày 26/7/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh B kết luận: Nguyên nhân chết của ông Lý Quý B do suy hô hấp, suy tuần hoàn không hồi phục, do sốc không hồi phục, do tràn máu

khoang ngực, do đập phổi trái, nguyên nhân do chấn thương đụng đập vùng sườn ngực trái với một vật cứng.

Thiệt hại về tài sản: Không.

Vật chứng và các tài liệu, đồ vật tạm giữ trong quá trình điều tra:

- 01 xe mô tô BKS 20E1-039.60, số khung CY1366445, số máy C52E-4178809 cùng với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 Giấy phép lái xe mô tô; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự bắt buộc đều mang tên Lê Quý B. Ngày 28/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại các tài sản trên cho anh Lý Tài T (con trai ông Lý Quý B).

- 01 xe mô tô BKS 97B1-297.11, nhãn hiệu YAMAHA, số máy 1S9A047294, số khung S9A0DY047279; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Vũ Anh T. Ngày 14/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại chiếc xe mô tô trên cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe cho chị Nguyễn Thị G, (vợ của anh T).

- 01 Giấy phép lái xe số AA145776 và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 095056873 đều mang tên Vũ Đức V. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã chuyển theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định pháp y của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh B và việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C.

Bản cáo trạng số: 08/CT-VKS, ngày 15/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh B truy tố bị cáo Vũ Đức V về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm b, c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm các vấn đề cụ thể như sau:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Vũ Đức V phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Đức V từ 36 tháng đến 42 tháng tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bị cáo vào Trại để thi hành án.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo 01 Giấy phép lái xe số AA145776 và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 095056873 đều mang tên Vũ Đức V.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo có lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho bị hại Lý Quý B là anh Lý Tài T (con trai bị hại) vắng mặt, tuy nhiên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác nhận bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình anh số tiền là 54.000.000đ (Năm mươi tư triệu đồng), anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Vũ Anh T), hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra, anh T đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng về việc không đồng ý cho bị cáo lấy xe mô tô của T đi. Tuy nhiên, bị cáo đã tự ý lấy xe đi và gây ra tai nạn. Vụ tai nạn không gây thiệt hại về tài sản, nên anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại chiếc xe mô tô BKS 97B1-297.11 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh T. Xét thấy, việc trích xuất Vũ Anh T để tham gia tố tụng tại phiên tòa là không cần thiết, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Khoảng 09 giờ ngày 19/7/2019, bị cáo điều khiển xe mô tô BKS 97B1-297.11 chở theo Nguyễn Văn Th đến Công an huyện C. Trên đường đi, bị cáo có vào quán ăn sáng và uống một lon bia “Sài Gòn” thể tích 330ml, khi đi đến Km 114+723 QL3 thuộc tổ 7, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh B, do không chấp hành đúng các quy định của Luật giao thông đường bộ, khi vượt xe đã gây tai nạn giao thông, hậu quả làm ông Lý Quý B tử vong, 02 phương tiện không thiệt hại, sau đó bị cáo đã đến Công an huyện C đầu thú.

[4] Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 17 Điều 8; Khoản 1, 2 và điểm a khoản 5 Điều 14; Khoản 1 Điều 38 Luật Giao thông đường bộ. Cụ thể:

“Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm

8. ...Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/lít khí thở...;

17. Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm...”

“Điều 14. Vượt xe

1. Xe xin vượt phải có báo hiệu bằng đèn hoặc còi; trong đô thị và khu đông dân cư từ 22 giờ đến 5 giờ chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.

2. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải.

5. Không được vượt xe khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;

“Điều 38. Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức khi xảy ra tai nạn giao thông

1. Người điều khiển phương tiện và những người liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây:

a) Dừng ngay phương tiện; giữ nguyên hiện trường; cấp cứu người bị nạn và phải có mặt khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;

b) Ở lại nơi xảy ra tai nạn cho đến khi người của cơ quan công an đến, trừ trường hợp người điều khiển phương tiện cũng bị thương phải đưa đi cấp cứu hoặc phải đưa người bị nạn đi cấp cứu hoặc vì lý do bị đe dọa đến tính mạng, nhưng phải đến trình B ngay với cơ quan công an nơi gần nhất;...”

Như vậy, bị cáo đã phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự, điều luật có nội dung:

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a. Làm chết người;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

b. Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định...

c. Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn.

Bản cáo trạng số: 08/CT-VKS, ngày 15/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh B đã truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b, c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm các quy định về an toàn giao thông, xâm phạm đến an toàn, sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, xét thấy cần xử lý bằng pháp luật hình sự.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 22/5/1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia” theo Bản án số 36/HSST; Ngày 09/3/2009, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính 500.000đ về hành vi Đánh bạc theo quyết định số 15/QĐ-VPHC). Tính đến thời điểm phạm tội lần này, (ngày 19/7/2019) bị cáo không còn tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại. Do đó, bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đó là: *"Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại"* và *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"*. Người đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời bị cáo có bố đẻ là ông Vũ Ngọc Đ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến Th hạng hai, sau khi gây tai nạn giao thông, bị cáo đã đến Công an huyện C đầu thú. Do vậy, bị cáo được hưởng thêm ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy, là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có hiểu biết pháp luật, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, sau khi gây tai nạn giao thông đã bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Trong giai đoạn xét xử, bị cáo đã có đơn gửi Tòa án xin được cải tạo tại địa phương với lý do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, vợ bị bệnh tật, bản thân là lao động chính trong gia đình đã được chính quyền địa phương xác nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, hoàn cảnh, điều kiện gia đình gặp khó khăn, nhưng theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, giảm một phần hình phạt cho bị cáo, mặc khác bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ tai nạn xảy ra, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền là 54.000.000đ (*Năm mươi tư triệu đồng*), người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Lý Tài T xác nhận đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường tiếp.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 20E1-039.60, qua khám xét phương tiện sau khi xảy ra tai nạn, xác định xe chỉ bị trượt xước nhẹ ở yếm xe và đầu tay nắm bên trái, do thiệt hại nhỏ, nên anh Lý Tài T từ chối định giá thiệt hại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 97B1-297.11 không bị thiệt hại, chủ sở hữu xe là anh Vũ Anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Ngoài ra, tại thời điểm gây tai nạn, xe mô tô nêu trên không có bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[9] Vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 xe mô tô BKS 20E1-039.60 cùng với Giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 Giấy phép lái xe; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự của xe mô tô trên đều mang tên Lý Quý B. Ngày 28/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại các tài sản trên cho anh Lý Tài T (con trai bị hại). Xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô BKS 97B1-297.11 cùng với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Vũ Anh T. Ngày 14/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại chiếc xe mô tô trên cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe cho chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1991, trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh B là người được ủy quyền. Xét thấy, có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 Giấy phép lái xe số AA145776 và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 095056873 đều mang tên bị cáo, hiện đang lưu giữ theo hồ sơ vụ án. Xét thấy, cần trả lại cho bị cáo.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Đức V phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Đức V **15** (Mười năm) tháng tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bị cáo vào Trại để thi hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo 01 Giấy phép lái xe số AA145776 và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 095056873 đều mang tên Vũ Đức V.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người đại diện hợp pháp cho bị hại là anh Lý Tài T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Vũ Anh T). Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc ngày Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Hồng Giang